

Bản án số: 12/2023/DS - ST
Ngày: 29-5-2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng hùn
vốn nuôi cá*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang
2. Bà Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hùn vốn nuôi cá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2023/QĐXX-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐXX-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12A/2023/QĐXX-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- 1/. Nguyên đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm: 1957 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh X, xã T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
- 2/. Bị đơn: Ông Trang Ngọc M, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Quang T trình bày:

Nguyên trước đây vào tháng 11 năm 2019 ông Trang Ngọc M có hùn vốn nuôi cá tra cùng với tôi, sau khi thanh chi quyết toán thì ông Trang Ngọc M còn thiếu tôi số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*). Ông Trang Ngọc M có làm

giấy xác nhận nợ và cam kết đến tháng 10 năm 2021 sẽ trả cho tôi số tiền 50.000.000đ và sau đó ông M sẽ thanh toán tiếp vào các tháng tiếp theo.

Nhưng từ ngày làm giấy xác nhận nợ cho đến nay ông Trang Ngọc M không thực hiện đúng lời cam kết, tôi có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông M không thực hiện.

Tại phiên Toà tôi yêu cầu ông Trang Ngọc M trả cho tôi số tiền là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 10 năm 2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm tôi chỉ yêu cầu một mình ông M có trách nhiệm trả số tiền trên.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt, hợp lệ giấy triệu tập cho ông Trang Ngọc M tham gia phiên họp kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông M không có mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Lê Quang T yêu cầu ông Trang Ngọc M trả cho ông số tiền là 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng hùn vốn được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Ông Lê Quang T khởi kiện ông Trang Ngọc M, ông M có nơi cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Được quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Trang Ngọc M đã được tổng đạt thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang T yêu cầu ông Trang Ngọc M trả số tiền 40.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) quá trình giải quyết vụ án ông T cung cấp cho Tòa án 01 (một) tờ giấy xác nhận nợ đánh máy do ông Trang Ngọc M ký tên với nội dung “*Tôi tên Trang Ngọc M, ngụ tại: xã B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Công nhận có hùn vốn nuôi cá tra với số tiền: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) vào tháng 11/2019. Nay tôi cam kết sẽ trả nợ cho anh T vào cuối tháng 10/2021 số tiền là 50.000.000đ sau đó tôi sẽ thanh toán vào các tháng tiếp theo*”.

[5] Xét tờ giấy xác nhận nợ giữa ông T và ông M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hai bên tự nguyện làm giấy xác nhận nợ, không bị lừa dối, hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy trước đây ông T và ông Trang Ngọc M là bạn bè thân thiết vào năm 2019 giữa ông T và ông M bàn bạc hùn vốn để nuôi cá tra, do ông M không có vốn nên ông T có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng Kiên Long kinh tám vay số tiền 600.000.000đ và cho ông M vay hùn vốn cùng làm ăn nuôi cá với nhau. Trong quá trình vay vốn và nuôi cá do làm ăn bị thua lỗ khi đến hạn thanh toán nợ cho Ngân hàng ông Lê Quang T đứng ra trả nợ thay cho ông Trang Ngọc M, sau đó ông Trang Ngọc M có làm giấy xác nhận nợ cho ông Lê Quang T với số tiền 400.000.000đ và cam hết đến hết tháng 10/2021 sẽ trả cho ông Lê Quang T số tiền 50.000.000đ và sau đó thanh toán vào các tháng tiếp theo. Nhưng đến ngày cam kết ông M không thực hiện việc trả nợ, ông T có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông M chỉ cam kết mà không thực hiện. Việc ông M không trả tiền cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tại phiên tòa ông T yêu cầu ông Trang Ngọc M trả lại số tiền 400.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 cho đến ngày xét xử là có sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của của ông Lê Quang T HĐXX xét thấy tại giấy xác nhận công nợ có chữ ký của ông Trang Ngọc M mặc dù hai bên có làm giấy xác nhận nợ và cam kết đến cuối tháng 10 năm 2021 ông M sẽ trả cho ông T số tiền 50.000.000đ và tiếp tục trả dần vào các tháng tiếp theo nhưng trong giấy xác nhận nợ hai bên không thoả thuận lãi suất do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền để xác định lãi suất như sau:

Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 là 17 tháng 29 ngày

$400.000.000 \times 0,83\% \times 17 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 59.649.000\text{đ}$

Gốc $400.000.000\text{đ} + 59.649.000\text{đ}$ lãi = $459.649.000\text{đ}$

[6] Đối với bị đơn ông Trang Ngọc M từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có văn bản trả lời cho Tòa án, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có ý kiến trình bày. Ngày 14/11/2022 Toà án có thông báo số 186/TB-TA cho Trang Ngọc M thực hiện cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện yêu cầu phản tố và trưng cầu giám định chữ ký đối với giấy xác nhận công nợ do ông Lê Quang T cung cấp cho Toà án nhưng đến nay ông M không có ý kiến phản tố và không thực hiện việc yêu cầu giám định chữ ký như Toà án đã tổng đạt cho ông M. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Từ những cơ sở trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang T yêu cầu ông Trang Ngọc M trả số tiền gốc 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu*

đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 59.649.000đ. Tổng cộng gốc lãi là 459.649.000đ (*Bốn trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 459.649.000đ (*Bốn trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Án phí tính như sau: 459.649.000đ án phí là 20.000.000đ ($59.649.000đ \times 4\%$) = 22.385.960đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

- Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Lê Quang T không phải chịu tiền án phí, ông T có đơn xác nhận là người cao được và được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Trang Ngọc M phải nộp 22.385.960đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 351, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang T.

2. Buộc ông Trang Ngọc M trả cho ông Lê Quang T số tiền 459.649.000đ (*Bốn trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Yêu cầu của ông T được chấp nhận nên ông Lê Quang T không phải chịu tiền án phí, ông T có đơn xác nhận là người cao được và được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Trang Ngọc M phải nộp 22.385.960đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Ông Lê Quang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trang Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 00 phút, ngày 29 tháng 5 năm 2023.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Bà Phan Thị Trúc Phương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “ tranh chấp hợp đồng hùn vốn nuôi cá” giữa:

1/. *Nguyên* ®-n: Ông Lê Quang Thành, sinh năm: 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 32, ấp Kinh 4A, xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

2/. *Bên* ®-n: Ông Trang Ngọc Minh, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 03, ấp Tân Tiến, xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 351, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Thành.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

2. Buộc ông Trang Ngọc Minh trả cho ông Lê Quang Thành số tiền 459.649.000đ (Bốn trăm năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Yêu cầu của ông Thành được chấp nhận nên ông Lê Quang Thành không phải chịu tiền án phí, ông Thành có đơn xác nhận là người cao được và được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, ông Thành được miễn nộp tiền tạm ứng án phí được quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc ông Trang Ngọc Minh phải nộp 122.385.960đ (*Hai mươi hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

4. Quyền kháng cáo: Ông Lê Quang Thành, ông Trang Ngọc Minh có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3 thống nhất

Nghị án kết thúc vào hồi giờ ... phút, ngày 29 tháng 5 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

